

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số
Dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề
giai đoạn 2012 - 2015**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012 – 2015 và Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 28/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chuyển giao các bộ chương trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, quốc tế” giai đoạn 2012-2015;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số Dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

a) Thông tư này quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện một số Dự án của Chương trình theo Quyết định số 1201/QĐ-TTg:

- Dự án 1: Đổi mới và phát triển dạy nghề;
- Dự án 4: Hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Dự án 5: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động;
- Dự án 6: Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực

hiện Chương trình.

b) Đối với Dự án 2- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn và Dự án 3- Vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm thực hiện theo các quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn riêng.

c) Thông tư này không áp dụng đối với các nguồn kinh phí sau:

- Nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Thông tư này.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với nguồn vốn này.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án của Chương trình theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương:

a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình.

b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để triển khai các Dự án của Chương trình.

2. Ngân sách địa phương: bố trí kinh phí cho cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện nhiệm vụ của các Dự án quy định tại Quyết định số 1201/QĐ-TTg theo quy định của pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nội dung và mức chi chung

1. Chi thẩm định Chương trình, thẩm định các dự án thành phần thuộc Chương trình; chi hoạt động có tính chất nghiên cứu khoa học gắn với nội dung, nhiệm vụ của chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 hướng dẫn chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN) và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Chi hội nghị triển khai nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình: nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 97/2010/TT-BTC).

3. Chi thuê chuyên gia trong nước: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động của Chương trình và dự toán ngân sách được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình quyết định việc thuê chuyên gia trong nước theo hình thức ký "Hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm". Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án, chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác lao động, việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BTC) và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

5. Chi dịch thuật, phiên dịch (bao gồm cả tiếng dân tộc): nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

6. Chi xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng:

a) Chi xây dựng chương trình khung; chương trình, giáo trình dạy nghề và ngân hàng đề thi tốt nghiệp (nếu có) cho các nghề trọng điểm theo cấp độ quốc gia; chi Hội đồng thẩm định các bộ chương trình nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và quốc tế khi chuyển giao và xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên dạy nghề, kiểm định viên, đánh giá viên kỹ năng nghề: Nội dung và mức chi thực hiện theo phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Chi xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo ngoại ngữ cho người lao động đi xuất khẩu; giáo trình tiếng Anh chuyên ngành theo nghề hoặc nhóm nghề: nội dung và mức chi áp dụng đối với xây dựng chương trình, giáo trình môn học cho các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi xây dựng hệ thống quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu về dạy nghề, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động và xuất khẩu lao động: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-

BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác dạy nghề, kiểm định chất lượng dạy nghề, đánh giá kỹ năng nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm và thông tin thị trường lao động thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

9. Chi quản lý Chương trình, dự án:

a) Nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Mức chi thực hiện theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 4. Nội dung và mức chi đặc thù của từng Dự án

1. Dự án Đổi mới và phát triển dạy nghề:

1.1. Chi hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề:

a) Đối tượng hỗ trợ: trường dạy nghề chất lượng cao; trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề công lập được quy hoạch nghề trọng điểm (cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế); trường sư phạm kỹ thuật và khoa sư phạm của các trường cao đẳng nghề.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Các Bộ, ngành và địa phương quyết định mua sắm trang thiết bị dạy phù hợp với danh mục thiết bị từng nghề và chương trình nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng một số hạng mục công trình của cơ sở dạy nghề: được sử dụng tối đa 30% nguồn vốn sự nghiệp của Dự án Đổi mới và phát triển dạy nghề của từng Bộ, ngành và địa phương để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng một số hạng mục công trình của cơ sở dạy nghề. Mức hỗ trợ căn cứ vào Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng ngân sách bố trí cho Dự án Đổi mới và phát triển dạy nghề. Các Bộ, ngành và địa phương không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư xây dựng mới các cơ sở dạy nghề.

1.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề:

a) Chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước: nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 của Thông tư này và một số nội dung, mức chi đặc thù như sau:

- Chi thù lao cho giảng viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án, bài giảng) là nghệ nhân: mức tối đa 500.000 đồng/buổi; là thợ kỹ thuật có tay nghề cao: mức tối đa 300.000 đồng/buổi.

- Đối với các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn sâu; khoá đào tạo, bồi dưỡng theo phương pháp giảng dạy mới chưa có sẵn giáo trình và tài liệu để giảng dạy, ngoài mức chi thù lao giảng viên theo quy định nêu trên, căn cứ yêu cầu chất lượng từng khóa đào tạo, bồi dưỡng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề quyết định trả tiền biên soạn giáo án, bài giảng theo mức quy định tại điểm a khoản 6 Điều 3 Thông tư này.

- Chi nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ thực hành, thực tập. Mức chi theo thực tế và phù hợp với từng nghề do thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức bồi dưỡng giáo viên dạy nghề quyết định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho giảng viên, giáo viên dạy các nghề cấp độ quốc tế và khu vực ASEAN: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC. Mức hỗ trợ cụ thể do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định từ nguồn kinh phí được giao hàng năm để thực hiện. Mỗi giảng viên, giáo viên dạy nghề chỉ được hỗ trợ một lần từ nguồn kinh phí của Dự án này, không hỗ trợ đối với giảng viên, giáo viên dạy nghề đã được đơn vị cử đi đào tạo ngoại ngữ bằng nguồn ngân sách khác.

1.3. Chi chuyển giao bộ chương trình của các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và quốc tế và đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và quốc tế theo quy định tại Quyết định số 371/QĐ-TTg: Căn cứ chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và nội dung, mức chi tại Thông tư này, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nội dung hoạt động cụ thể và hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, quyết định trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao và thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Chi phát triển hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề:

a) Chi kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề và thí điểm kiểm định chất lượng chương trình đào tạo:

- Chi viết báo cáo kết quả tự kiểm định; báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề 800.000 đồng/01 báo cáo (báo cáo chỉ số; báo cáo tiêu chí; báo cáo tổng hợp).

- Thuê chuyên gia tư vấn kiểm định chất lượng dạy nghề 800.000 đồng/01 báo cáo tiêu chuẩn.

- Chi đánh giá báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề 100.000 đồng/01 báo cáo (báo cáo chỉ số, báo cáo tiêu chí, báo cáo tổng hợp).

- Chi thù lao cho Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề; viết chuyên đề, báo cáo tổng thuật, điều tra, khảo sát, tổ chức hội thảo khoa học: mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN.

b) Chi xây dựng mô hình thí điểm hệ thống quản lý chất lượng trong Trường cao đẳng nghề:

- Chi viết chuyên đề, báo cáo mô hình thí điểm hệ thống quản lý chất lượng: Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN.

- Chi thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài xây dựng, triển khai, đánh giá kết quả thực nghiệm mô hình hệ thống quản lý chất lượng trong Trường cao đẳng nghề:

- + Việc xác nhận và quản lý chuyên gia nước ngoài thực hiện theo Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch Đầu tư - Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- + Thủ trưởng đơn vị quyết định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao và thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

c) Chi thuê tổ chức kiểm định thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với các bộ chương trình đã chuyển giao từ nước ngoài theo quy định tại Quyết định số 371/QĐ-TTg thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

1.5. Chi phát triển hệ thống đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động và chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề cho giáo viên dạy nghề trọng điểm (sau đây viết tắt là cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia):

a) Chi xây dựng và ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia:

- Chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia:

- + Lập sơ đồ phân tích nghề 750.000 đồng/01 sơ đồ;

- + Lập phiếu phân tích công việc 300.000 đồng/01 phiếu;

- + Xây dựng danh mục các công việc theo các bậc trình độ 200.000 đồng/01 công việc;

- + Biên soạn tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia 300.000 đồng/01 tiêu chuẩn thực hiện công việc;

- + Lấy ý kiến chuyên gia về: Sơ đồ phân tích nghề, danh mục công việc theo các bậc trình độ 250.000 đồng/01 văn bản đóng góp ý kiến; Bộ phiếu phân tích công việc, bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia 500.000 đồng/01 văn bản đóng góp ý kiến.

- + Thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia 300.000 đồng/01 phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc;

+ Thuê chuyên gia phân biên độc lập (trước khi ban hành tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia) 200.000 đồng/01 phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc.

- Chi bổ sung, chỉnh sửa tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia:

+ Bổ sung mới: nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

+ Chỉnh sửa: nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Riêng chi thẩm định, thuê chuyên gia bằng mức chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

b) Chi biên soạn ngân hàng đề thi đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:

- Chi xây dựng mới ngân hàng câu trắc nghiệm và đề thi thực hành, thử nghiệm đề thi để tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia: nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực. Thông tư này quy định thêm một số nội dung chi và mức chi đặc thù như sau:

+ Phân tích các phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc, xác định các kiến thức, kỹ năng cần thiết để biên soạn các câu trắc nghiệm, đề thi thực hành 50.000 đồng/01 tiêu chuẩn thực hiện công việc.

+ Biên soạn đề thi thực hành 750.000 đồng/01 đề thi;

+ Lấy ý kiến chuyên gia về đề thi thực hành, câu trắc nghiệm: 200.000 đồng/01 văn bản đóng góp ý kiến;

+ Thẩm định đề thi thực hành 200.000 đồng/01 đề thi;

+ Chi thuê chuyên gia vẽ AutoCAD cho các đề thi thực hành (nếu có): mức tối đa 1.000.000 đồng/đề thi.

+ Chi xác định danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu: 200.000 đồng/đề thi.

- Chi bổ sung, chỉnh sửa ngân hàng câu trắc nghiệm, đề thi thực hành:

+ Bổ sung mới: nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng mới ngân hàng câu trắc nghiệm và đề thi thực hành;

+ Chỉnh sửa: nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới ngân hàng câu trắc nghiệm và đề thi thực hành. Riêng chi thẩm định, thuê chuyên gia bằng mức chi xây dựng mới ngân hàng câu trắc nghiệm và đề thi thực hành.

c) Chi tổ chức thí điểm đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia:

- Thuê địa điểm, phương tiện đi lại, máy móc thiết bị, dụng cụ. Mức chi theo hợp đồng, giá cả thực tế tại thời điểm thuê phù hợp với từng nghề và thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Mua nguyên, nhiên vật liệu, văn phòng phẩm: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

- Thù lao bồi dưỡng Hội đồng đánh giá, Ban giám khảo, ban tổ chức; chấm thi, xét kết quả thi và tổng hợp báo cáo. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm đ và điểm i khoản 2 Điều 3 Thông tư số 79/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động Hội giảng giáo viên dạy nghề và Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm.

1.6. Chi xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề cho các nghề trọng điểm theo các cấp độ, trình độ đào tạo:

a) Chi xây dựng mới danh mục thiết bị dạy nghề cho các nghề trọng điểm theo các cấp độ, trình độ đào tạo: nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 28/02/2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về nội dung và mức chi xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH).

b) Chi bổ sung, chỉnh sửa danh mục thiết bị dạy nghề:

- Bổ sung mới: nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng mới danh mục thiết bị dạy nghề quy định tại Thông tư số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

- Chỉnh sửa: nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới danh mục thiết bị dạy nghề quy định tại Thông tư số 27/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH. Riêng chi thẩm định, thuê chuyên gia bằng mức chi xây dựng mới danh mục thiết bị dạy nghề.

1.7. Chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, định mức kinh tế - kỹ thuật cho các nghề trọng điểm theo các cấp độ, trình độ đào tạo (gồm: Định mức tiêu hao vật tư thực hành; định mức chi phí đào tạo theo từng nghề, từng cấp độ, trình độ đào tạo): nội dung và mức chi theo quy định khoản 1 Điều 3 Thông tư này và Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

2.1. Đối tượng hỗ trợ: Người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài (không bao gồm lao động thuộc đối tượng tại Quyết định số 71/2009/QĐ-

TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nhanh và bền vững giai đoạn 2009-2020) thuộc các đối tượng sau:

a) Lao động là thân nhân chủ yếu của gia đình chính sách người có công với cách mạng; lao động là người dân tộc thiểu số; lao động thuộc hộ nghèo.

b) Lao động thuộc hộ cận nghèo.

c) Lao động thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường.

d) Lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với nước tiếp nhận lao động hoặc theo các hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài.

2.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối với đối tượng quy định tại tiết a, điểm 2.1 khoản 2 Điều này được hỗ trợ các khoản chi phí sau:

- Học nghề ngắn hạn (nếu có), tối đa 3 triệu đồng/người/khoá học không quá 12 tháng (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học thực tế).

- Học ngoại ngữ, tối đa 3 triệu đồng/người/khoá học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng khoá học và thời gian học thực tế).

- Bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức 530.000 đồng/người/khoá.

- Tiền ăn cho người lao động trong thời gian thực tế học: Mức chi theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

- Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú đến nơi học đối với các học viên ở cách địa điểm học từ 15 km trở lên hoặc từ 10 km trở lên (đối với địa bàn các xã đặc biệt khó khăn) theo giá vé thông thường của phương tiện vận tải công cộng tại thời điểm thanh toán hoặc theo mức khoán tối đa 5.000 đồng/km đối với vùng miền núi và 3.000 đồng/km đối với vùng đồng bằng nhưng tối đa 400.000 đồng/lao động.

- Chi phí làm thủ tục đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài gồm: hộ chiếu, visa, khám sức khoẻ, lý lịch tư pháp theo mức quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Đối với đối tượng quy định tại tiết b, điểm 2.1 khoản 2 Điều này: được hỗ trợ chi phí học nghề, học ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết bằng 70% mức hỗ trợ cho các đối tượng tại tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều này.

c) Đối với đối tượng quy định tại tiết c, điểm 2.1 khoản 2 Điều này: được hỗ trợ theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng

Chính phủ về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.

d) Đối với đối tượng quy định tại tiết d, điểm 2.1 khoản 2 Điều này: Lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo Thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với nước tiếp nhận lao động hoặc theo các Hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài: Trường hợp phía Việt Nam cam kết hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo thì Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được sử dụng kinh phí của Dự án để hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề, ngoại ngữ. Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng khóa học do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất và thỏa thuận với Bộ Tài chính phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa Việt Nam với nước tiếp nhận lao động hoặc yêu cầu của nước tiếp nhận và khả năng ngân sách của Dự án.

đ) Người lao động chỉ được hỗ trợ một lần các khoản chi phí theo quy định tại khoản này. Trường hợp chi phí thực tế phát sinh lớn hơn, các địa phương chủ động xây dựng phương án huy động đóng góp của người lao động, hỗ trợ từ ngân sách địa phương và nguồn huy động khác để bảo đảm chi phí cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.3. Mức chi phí đào tạo:

a) Mức chi phí đào tạo cho từng nghề đối với đối tượng quy định tại tiết a và tiết b, điểm 2.1 khoản 2 Điều này: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức chi phí đào tạo cho từng nghề trong danh mục nghề đào tạo phù hợp với chương trình đào tạo, thời gian đào tạo và điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức chi phí đào tạo ngoại ngữ: theo mức thu học phí thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo với người học nghề phù hợp với mức học phí trên thị trường tại địa phương đối với từng khóa đào tạo và thời gian đào tạo.

2.4. Phương thức hỗ trợ kinh phí:

a) Hỗ trợ cho người lao động thông qua hình thức “Hợp đồng đặt hàng đào tạo và tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài”:

- Căn cứ nhu cầu và số lượng lao động tham gia đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, mức chi phí đào tạo của từng nghề, ngoại ngữ và dự toán được cấp có thẩm quyền giao; cơ quan Lao động-Thương binh và Xã hội ký “Hợp đồng đặt hàng đào tạo và tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài” với cơ sở dạy nghề hoặc doanh nghiệp xuất khẩu lao động theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg.

- Căn cứ “Hợp đồng đặt hàng đào tạo và tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài” đã ký và danh sách người lao động tham gia đào tạo, cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện tạm ứng kinh phí cho cơ sở dạy nghề hoặc doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ. Số lần tạm ứng, thời

gian tạm ứng, mức tạm ứng được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng trên cơ sở tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Cơ sở dạy nghề hoặc doanh nghiệp xuất khẩu lao động có trách nhiệm chi trả tiền ăn và chi phí đi lại cho người học theo mức quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này. Trường hợp người lao động tự ý nghỉ học, bỏ học, hoặc bị buộc thôi học thì không được trả tiền ăn cho thời gian nghỉ học, bỏ học, thôi học và tiền đi lại (lướt về).

- Cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thanh toán giá trị hợp đồng còn lại (nếu có):

- + Trường hợp có dưới 70% số học viên sau khi hoàn thành khóa học được đi làm việc ở nước ngoài chỉ thanh toán tiền học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tiền ăn, chi phí đi lại theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia khóa học và chi phí làm thủ tục đối với người lao động đủ điều kiện đi làm việc ở nước ngoài theo số lao động thực tế xuất cảnh.

- + Trường hợp có từ 70% số học viên trở lên sau khi hoàn thành khóa học được đi làm việc ở nước ngoài được thanh toán 100 % tiền học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo số lượng học viên tham gia khóa học của Hợp đồng đã ký; tiền ăn, chi phí đi lại theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia khóa học và chi phí làm thủ tục đối với người lao động đủ điều kiện đi làm việc ở nước ngoài theo số lao động thực tế xuất cảnh.

- Chứng từ quyết toán lưu tại cơ sở dạy nghề hoặc doanh nghiệp tham gia xuất khẩu lao động gồm:

- + “Hợp đồng đặt hàng đào tạo và tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài” giữa cơ sở dạy nghề hoặc doanh nghiệp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội và hợp đồng điều chỉnh (nếu có);

- + Biên bản nghiệm thu và thanh lý “Hợp đồng đặt hàng đào tạo và tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài” giữa cơ sở dạy nghề hoặc doanh nghiệp với cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội;

- + Các chứng từ thanh toán trực tiếp cho người lao động và các hoá đơn chứng từ liên quan khác về hộ chiếu, visa (nếu có) và lý lịch tư pháp theo quy định hiện hành;

- + Hợp đồng khám sức khoẻ cho người lao động giữa doanh nghiệp với cơ sở y tế có thẩm quyền, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, danh sách lao động được khám sức khoẻ để sơ tuyển lao động, khám sức khoẻ trước khi đi làm việc ở nước ngoài và hoá đơn thu tiền; đối với những trường hợp khám đơn lẻ phải có hóa đơn của cơ sở y tế.

b) Trong trường hợp người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ tự đăng ký trực tiếp với doanh nghiệp xuất khẩu lao động để học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và được chấp nhận đi làm việc ở nước ngoài:

- Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ Giấy đề nghị thanh toán của người lao động và mức hỗ trợ tại điểm 2.2 khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định hỗ trợ cho người lao động.

- Chứng từ quyết toán lưu tại cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số C37-HD ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp).

+ Hóa đơn thu tiền học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, visa (nếu có) và lý lịch tư pháp.

3. Dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động:

a) Chi thuê địa điểm, thuê thiết bị (nếu có) để tổ chức sàn giao dịch việc làm. Thủ trưởng đơn vị căn cứ dự toán được giao và nhu cầu thực tế quyết định việc lựa chọn địa điểm thuê thiết bị phù hợp với quy mô sàn giao dịch và chịu trách nhiệm về chứng từ chi tiêu.

b) Chi điều tra phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu thị trường lao động theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 10 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê và Thông tư số 53/2012/TT-BTC ngày 09/4/2012 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Tổng điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

4.1. Hoạt động truyền thông:

a) Chi thông tin, tuyên truyền về các chính sách lao động, việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động, thông tin thị trường lao động:

- Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên công tác truyền thông qua đài phát thanh xã, phường trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Nội dung và mức chi như sau:

+ Chi sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí) thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg.

+ Chi mua, nhân bản và phát hành các ấn phẩm truyền thông. Mức chi theo thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

+ Làm mới, sửa chữa pa nô, áp phích, khẩu hiệu: Mức chi theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

+ Chi truyền thanh tại cộng đồng: biên tập tài liệu phát thanh: 75.000 đồng/trang 350 từ; bồi dưỡng phát thanh: 15.000 đồng/lần, trường hợp phát thanh bằng tiếng dân tộc: 20.000 đồng/lần.

b) Chi tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về lao động, việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động: nội dung và mức chi theo Thông tư số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Chi hỗ trợ xây dựng và phát bản tin tuyên truyền, thông tin các chính sách về thị trường lao động, việc làm, dạy nghề và xuất khẩu lao động ở cấp xã, phường: 1.500.000 đồng/xã, phường/năm (mỗi tháng thực hiện phát ít nhất 4 lượt bản tin trên hệ thống đài truyền thanh xã, phường).

4.2. Hoạt động giám sát, đánh giá:

a) Chi xây dựng khung và hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chính sách, Chương trình, dự án: nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

b) Chi công tác giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án của Chương trình: nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

Điều 5. Lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán

1. Việc lập và phân bổ dự toán Chương trình thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế quản lý và điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hàng năm, căn cứ vào Thông báo dự kiến giao chi ngân sách nhà nước cho Chương trình (phần vốn sự nghiệp) của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng phương án phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định để giao dự toán cho các Bộ, cơ quan trung ương và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương.

- Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án phân bổ dự toán chi tiết cho từng dự án và cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng

nhân dân cùng cấp phê duyệt trước khi quyết định giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị.

2. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định.

3. Thực hiện giao dự toán trực tiếp cho cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động truyền thông trên cơ sở nhiệm vụ truyền thông, định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán để thực hiện hoạt động truyền thông nhưng cần sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị khác thực hiện hoạt động truyền thông thì được thực hiện đặt hàng theo quy định nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/cơ quan, đơn vị/năm.

4. Việc mua sắm thiết bị, vật tư, hàng hóa; sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn Luật. Đối với hàng hóa, dịch vụ đặt hàng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn Quyết định.

5. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện thì chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, báo cáo quyết toán kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ theo quy định hiện hành.

Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; lập báo cáo quyết toán số kinh phí được cấp theo quy định gửi cơ quan, đơn vị ký hợp đồng (không tổng hợp vào báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị mình).

6. Chế độ báo cáo: Định kỳ hàng quý, năm, các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình (cả kinh phí và chỉ tiêu chuyên môn) theo quy định hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2013. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 thực hiện kể từ niên độ ngân sách năm 2014.

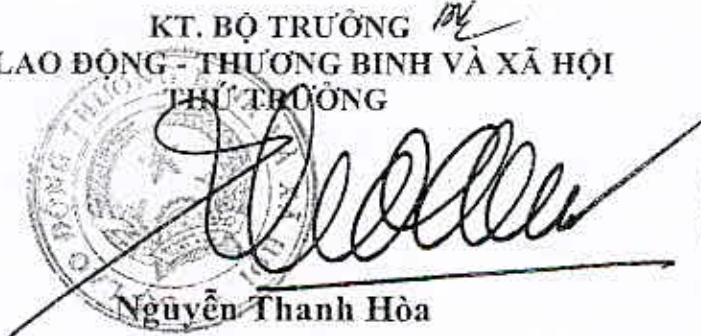
2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 90/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 16/10/2008 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí Dự án Tăng cường năng lực dạy nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo đến năm 2010; Thông tư liên tịch số 16/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 8/3/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí bồi dưỡng giáo viên dạy nghề và Thông tư liên tịch số 13/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 31/01/2008 hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số

dự án và hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm đến năm 2010.

3. Khi các quy định tại các Nghị định, Quyết định, Thông tư, Thông tư liên tịch được trích dẫn tại Thông tư liên tịch này thay đổi, được áp dụng theo văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỦ TRƯỞNG


Nguyễn Thanh Hòa

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG


Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW, Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở LĐTĐXH, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ LĐTĐXH;
- Các đơn vị thuộc BTC, Bộ LĐTĐXH;
- Lưu VT: Bộ Tài chính, Bộ LĐTĐXH.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1247/SY-UBND

Nơi nhận:

- CT, PCT Mai Thanh Thắng;
- CVP, PVPVX, K16, K17;
- Lưu: VT (06b);

SAO Y BẢN CHÍNH

Bình Định, ngày 14 tháng 8 năm 2013

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Mai Việt Trung

Phụ lục
Mức chi xây dựng chương trình khung, chương trình dạy nghề,
tài liệu bồi dưỡng giáo viên dạy nghề, kiểm định viên, đánh giá viên kỹ năng nghề
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 102/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2013
của Bộ Tài chính - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

STT	Nội dung chi	Mức chi					
		Xây dựng mới		Bổ sung, chỉnh sửa			
		Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Cao đẳng nghề		Trung cấp nghề	
				Bổ sung mới	Chỉnh sửa	Bổ sung mới	Chỉnh sửa
I	Chương trình khung						
1	Chi thiết kế	30.000 đồng/giờ	25.000 đồng/giờ	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới chương trình khung	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới chương trình khung	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới chương trình khung	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới chương trình khung
2	Chi biên soạn (chương trình mô đun, môn học bắt buộc và tự chọn)	90.000 đồng/giờ	85.000 đồng/giờ				
3	Sửa chữa, biên tập tổng thể	55.000 đồng/giờ	50.000 đồng/giờ				
4	Thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát xây dựng	12.000 đồng/giờ	12.000 đồng/giờ	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới chương trình khung			
5	Chi thẩm định, nhận xét, đánh giá	40.000 đồng/giờ	35.000 đồng/giờ				

STT	Nội dung chi	Mức chi					
		Xây dựng mới		Bổ sung, chỉnh sửa			
		Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Cao đẳng nghề		Trung cấp nghề	
				Bổ sung mới	Chỉnh sửa	Bổ sung mới	Chỉnh sửa
II	Chương trình dạy nghề						
	Nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng chương trình khung dạy nghề quy định tại Mục I phụ lục này. Trường hợp chương trình dạy nghề chưa được biên soạn trong Chương trình khung thì mức chi thực hiện theo quy định tại Mục I phụ lục này.			Nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới chương trình dạy nghề	Nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng mới chương trình dạy nghề	Nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới chương trình dạy nghề	
III	Giáo trình dạy nghề						
1	Thiết kế cấu trúc giáo trình	150.000 đồng/bài hoặc chương	100.000 đồng/bài hoặc chương	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề
2	Viết giáo trình	85.000 đồng/trang chuẩn	80.000 đồng/ trang chuẩn				
3	Bản vẽ kỹ thuật, hình minh hoạ, hình vẽ, biểu đồ						
a	Bản vẽ sơ đồ	100.000 đồng/bản vẽ	100.000 đồng/bản vẽ	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề
b	Bản vẽ phối cảnh	300.000 đồng/bản vẽ	300.000 đồng/bản vẽ				
c	Bản vẽ lắp dưới 5 chi tiết	500.000 đồng/bản vẽ	500.000 đồng/bản vẽ				
d	Bản vẽ lắp từ 5 chi tiết trở lên	800.000 đồng/bản vẽ	800.000 đồng/bản vẽ				
d	Bản vẽ chi tiết đơn giản	800.000 đồng/bản vẽ	800.000 đồng/bản vẽ				

STT	Nội dung chi	Mức chi					
		Xây dựng mới		Bổ sung, chỉnh sửa			
		Cao đẳng nghề	Trung cấp nghề	Cao đẳng nghề		Trung cấp nghề	
				Bổ sung mới	Chỉnh sửa	Bổ sung mới	Chỉnh sửa
e	Bản vẽ chi tiết phức tạp	1.500.000 đồng/bản vẽ	1.500.000 đồng/bản vẽ	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề	Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề
g	Hình vẽ, biểu đồ, ảnh	100.000đồng/hình vẽ hoặc biểu đồ hoặc ảnh	100.000 đồng/hình vẽ hoặc biểu đồ hoặc ảnh				
4	Sửa chữa, biên tập tổng thể	55.000 đồng/trang chuẩn	50.000 đồng/trang chuẩn				
5	Thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát biên soạn giáo trình	12.000 đồng/giờ	12.000 đồng/giờ	Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình dạy nghề			
6	Thẩm định, nhận xét	45.000 đồng/trang chuẩn	40.000 đồng/trang chuẩn				
IV	Ngân hàng đề thi tốt nghiệp						
	Nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng đề thi tốt nghiệp thực hiện theo quy định tại tiết b, điểm 1.5 khoản 1 Điều 4 của Thông tư; riêng bản vẽ kỹ thuật, hình minh họa, hình vẽ, biểu đồ thực hiện theo quy định tại khoản 1, Mục III phụ lục này.						
V	Chi xây dựng chương trình, giáo trình trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng						
	Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” theo Quyết định số 1956/QĐ-TT ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.						
VI	Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên dạy nghề, kiểm định viên, đánh giá viên kỹ năng nghề						
	Nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ cao đẳng nghề theo quy định tại Mục II và Mục III phụ lục này.						